TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/DS-ST
Ngày: 27-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Trần Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 133/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, Phường Võ , Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: ông Huỳnh Anh T – Phó Giám đốc chi nhánh

(Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Huỳnh Anh Tuấn: Ông Nguyễn Minh Tr– chuyên viên khách hàng cá nhân.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2023)

Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp 4, xã ph, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông Tr có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bà Đvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn do ông Nguyễn Minh Trtrình bày như sau:

Năm 2019, bà Lê Thị Hồng Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Lê Thị Hồng Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau: Hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất thẻ: 31.2 %/năm;

Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Lê Thị Hồng Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 46.852.507 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Lê Thị Hồng Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 49.789.000 đồng nhưng sau đó lại rút ra để sử dụng hết toàn bộ số tiền theo bảng tóm tắt sao kê sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/9/2023.

Tính đến ngày 18/10/2023, bà Lê Thị Hồng Đ còn nợ là 32.583.498 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.176.229 đồng, nợ lãi là 10.407.269 đồng. Theo quy định tại mục 26.4 thì Ngân hàng được quyền "Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ". Do bà Đvi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Đphải có nghĩa vụ hoàn trả tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 18/10/2023 là 32.583.498 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.176.229 đồng, nợ lãi là 10.407.269 đồng. Yêu cầu bà Đphải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 19/10/2023 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền trên.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Điều lệ của Ngân hàng; Bảng tính chi tiết tiền lãi; Quyết định ủy quyền; Bản sao chứng minh nhân dân

của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn; Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để cung cấp và không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Đồng thời, xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập ai hoặc đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Hồng Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Đluôn vắng mặt không lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, không có yêu cầu phản tố cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện B thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; Qua diễn biến phiên toà sơ thẩm công khai hôm nay, thì có đủ cơ sở xác định: Ngày 28/10/2019 ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Hồng Đ ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với loại thẻ là JCB hạng chuẩn, hạn mức là 20.000.000 đồng(hai mươi triệu đồng). Lãi suất thời điểm mở thẻ là 31.2 %/ năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Đđã thực hiện các giao dịch với số tiền là 46.852.507 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà Đđã thanh toán cho ngân hàng tiền gốc và các khoản lãi, phí tổng cộng là 49.789.000 đồng.Tính đến ngày 18/10/2023, bà Lê Thị Hồng Đ còn nợ ngân hàng số tiền là 32.583.498 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.176.229 đồng; lãi suất là 10.407.269 đồng.

Do bà Lê Thị Hồng Đ đã không thanh toán nợ đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho bà Đthanh toán nợ nhưng bà Đvẫn không thanh toán khoản nợ. Theo mục 1.27 và mục 26.4 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng thì từ ngày 22/10/2022 ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà Đsang nợ quá hạn (Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn). Do đó, bà Đđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng, nên ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Lê Thị Hồng Đ thanh toán các khoản nợ còn lại là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[1.2]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Phú Khiêm có Đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Hồng Đ đã được Tòa án triệp tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 28/10/2019 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Hồng Đ được xác lập theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Căn cứ vào *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2019"* và theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có cơ sở xác định giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Hồng Đ ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với loại thẻ là JCB hạng chuẩn, hạn mức là là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Lãi suất thời điểm mở thẻ là 31.2%/năm.

[2.3] Căn cứ bảng sao kê giao dịch số thẻ 356480-7867 của bà Lê Thị Hồng Đ thì bà Lê Thị Hồng Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 46.852.507 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, 46.852.507 đồng đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 49.789.000 đồng. Sau đó, bà Đngưng không thanh toán nữa mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Việc bà Đkhông thanh toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 20, 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, làm cho quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm. Theo mục 26.4 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì Ngân hàng được quyền "*Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiên hành việc thu hồi toàn bộ nợ*". Do bà Đvi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đvắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do Ngân hàng đưa ra. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Đcó nghĩa vụ hoàn trả cho

Ngân hàng số nợ tính đến ngày 18/10/2023 là 32.583.498 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.176.229 đồng; lãi suất là 10.407.269 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi phát sinh từ ngày 19/10/2023: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 28/10/2019"* từ ngày 19/10/2023 cho đến khi thanh toán xong hết nợ là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị Hồng Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Lê Thị Hồng Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Lê Thị Hồng Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 18/10/2023 là 32.583.498 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 22.176.229 đồng; lãi suất là 10.407.269 đồng;

Kể từ ngày 19/10/2023, bà Lê Thị Hồng Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2019"* cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Hồng Đ phải chịu 1.629.175 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP S là 798.000

đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010388 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện B.
- THADS huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện B.
- THADS huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga

Hội thẩm nhân dân	**Chủ tọa phiên tòa**
Dương Thị Sáu – Nguyễn Thị Hưởng	**Đặng Thị Nga**

Nơi nhận:
- -TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện B.
- THADS huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga

Hội thẩm nhân dân	Chủ tọa phiên tòa
Dương Thị Sáu – Nguyễn Thị Hưởng	**Đặng Thị Nga**

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Thới